**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN SƠN DƯƠNG**
**TỈNH TUYÊN QUANG**

Bản án số: **08**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 01 năm 2023
*V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình giữa nguyên đơn chị Đỗ Thị S và bị đơn anh Trần Đức H*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Bàn Văn Thế.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Danh Long.

Ông Trần Hữu Lượng.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Vũ Hồng Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 13/01/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công kH vụ án thụ lý số 385/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29/12/2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Đỗ Thị S, S năm 1980. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn C 2, xã N, huyện S, tỉnh T. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Anh Trần Đức H, S năm 1981. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn C 2, xã N, huyện S, tỉnh T. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự kH và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị (Đỗ Thị S) và anh Trần Đức H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được H bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn ngày 10/01/2005 tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, vợ chồng về S sống tại thôn C 2, xã N, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì đã phát S mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống S hoạt, bản thân anh H không có trách nhiệm với gia đình và

nuôi dạy con cái, lại thường xuyên uống rượu rồi chửi bới, đánh đập chị, nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình, có lần chị đã trình báo Ủy ban xã để can thiệp, đã nhiều lần H bên gia đình hòa giải nhưng H vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đến tháng 8/2022, chị và các con chung của anh chị đã chuyển về nhà ngoại S sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Đức H theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Trần Thị Kiều T, S ngày 22/9/2005; Trần Thị Thu T1, S ngày 04/8/2007 và cháu Trần Quốc K, S ngày 02/9/2008. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị xác định không vay nợ ai, cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Đức H trình bày:* Do bản thân anh phải đi làm nên anh không có mặt đầy đủ tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên các tài liệu văn bản Tòa án gửi về địa phương anh đều nắm được, đã nhận được và đã được chính quyền địa phương thông báo. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị S thì anh có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh (Trần Đức H) và chị Đỗ Thị S được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được H bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn ngày 10/01/2005 tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, vợ chồng về S sống tại thôn C 2, xã N, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2020 (sau khi anh đi chấp hành án phạt tù về) thì vợ chồng phát S mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống S hoạt, lúc đầu anh cũng nghi ngờ chị S không còn chung thủy với anh trong thời gian anh đi chấp hành án, nhưng hiện nay vấn đề này đã được hóa giải; bản thân anh cũng thường xuyên uống rượu trong bữa cơm hàng ngày, có lần say anh cũng chửi mắng vợ con và tát chị S, chị S đã trình báo Ủy ban xã để can thiệp; anh vẫn có trách nhiệm với gia đình, thỉnh thoảng anh vẫn đưa tiền ăn sáng cho các cháu là con chung của anh chị. Khoảng tháng 8/2022, chị S và các con chung của anh chị tự ý chuyển về bên ngoại S sống, bản thân anh xác định vẫn còn có tình cảm vợ chồng với chị S, mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ gia đình để cùng nuôi dạy con cái, vì vậy việc chị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh không nhất trí.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Trần Thị Kiều T, S ngày 22/9/2005; Trần Thị Thu T1, S ngày 04/8/2007 và cháu Trần Quốc K, S ngày 02/9/2008. Nếu anh chị ly hôn thì anh tôn trọng nguyện vọng của các cháu, các cháu muốn ở với

chị S anh cũng nhất trí, việc cấp dưỡng nuôi con chung do H bên tự thỏa thuận, không yê cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh xác định không vay nợ ai, cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh nhất trí với ý kiên của chị S.

Tòa án đã tiến hành điều tra, xác minh tại địa phương thể hiện anh Trần Đức H và chị Đỗ Thị S đăng ký kết hôn theo quy định; vợ chồng anh chị H, S có mâu thuẫn, thường xuyên đánh chửi nhau, xảy ra xô sát; chị S và các con chung đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ S sống, vợ chồng ly thân đã lâu. Chị S và anh H có 03 con chung là cháu Trần Thị Kiều T, S ngày 22/9/2005; Trần Thị Thu T1, S ngày 04/8/2007 và cháu Trần Quốc K, S ngày 02/9/2008. Về tài sản, nợ chung của anh chị S H thì địa phương không xác định cụ thể.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; bị đơn không chấp hành đầy đủ triệu tập của Tòa án trong các phiên làm việc nhưng đã có mặt tại phiên tòa, nên đề nghị giải quyết theo thủ tục chung theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Đỗ Thị S và anh Trần Đức H ly hôn; giao các cháu Trần Thị Kiều T, S ngày 22/9/2005; Trần Thị Thu T1, S ngày 04/8/2007 và cháu Trần Quốc K, S ngày 02/9/2008 cho chị Đỗ Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Trần Đức H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

Chị Đỗ Thị S phải chịu án phí theo quy định, anh Trần Đức H không phải nộp án phí; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị S và anh Trần Đức H có hộ khẩu thường trú tại thôn C 2, xã N, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, nên tranh chấp giữa chị S với anh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gửi các văn bản tố tụng nhưng anh Trần Đức H không chấp hành đầy đủ triệu tập của Tòa án trong các phiên làm việc, tại Biên bản lấy lời kH ngày 26/12/2022 anh Trần Đức H đã thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị S nhưng không đồng ý ký tên vào biên bản. Tuy nhiên, bị đơn anh Trần Đức H đã có mặt tại phiên tòa và trình bày đầy đủ ý kiến

đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị S và anh Trần Đức H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được H bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống S hoạt, vợ chồng thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, bản thân anh Trần Đức H ít quan tâm vun vén cho gia đình, thường xuyên chửi mắng vợ con, xảy ra xô sát, đến tháng 8/2022, chị S và các con chung của anh chị đã chuyển về nhà ngoại S sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã kiên trì hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau, nhưng chị S không nhất trí, vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Trần Đức H.

Như vậy, mẫu thuẫn vợ chồng chị S và anh H là cả một quá trình trong thời gian dài, mâu thuẫn thực sự trầm trọng, mặc dù đã được H bên gia đình và các cơ quan có thẩm quyền kiên trì hòa giải nhưng không hiệu quả; cả H bên đều không có biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị Đỗ Thị S và anh Trần Đức H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đỗ Thị S và anh Trần Đức H ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị S và anh Trần Đức H có ba con chung là cháu Trần Thị Kiều T, S ngày 22/9/2005; Trần Thị Thu T1, S ngày 04/8/2007 và cháu Trần Quốc K, S ngày 02/9/2008, hiện nay cháu đang ở với chị S. Xét nguyện vọng của nguyên đơn, của các con chung, cũng như căn cứ vào kết quả xác minh tại địa phương thì cuộc sống của cháu vẫn đảm bảo khi ở với chị S; bản thân anh Trần Đức H cũng tôn trọng nguyện vọng của các cháu. Do đó, cần tuyên xử cho chị Đỗ Thị S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp. Anh Trần Đức H không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Vay nợ chung: Các đương sự xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị S phải chịu án phí theo quy định; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 147, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

**1**. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị S ly hôn với anh Trần Đức H.

**2**. Về con chung: Giao các cháu Trần Thị Kiều T, S ngày 22/9/2005; Trần Thị Thu T1, S ngày 04/8/2007 và cháu Trần Quốc K, S ngày 02/9/2008 cho chị Đỗ Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Đức H không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

**3**. Về án phí: Chị Đỗ Thị S phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2021/0002309, ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị S đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Đức H không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mươi lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án (13/01/2023).

| **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** | **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ** |
|---|---|
| **Nguyễn Danh Long Trần Hữu Lượng** | **Bàn Văn Thế** |

***Nơi nhận***
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã N, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bàn Văn Thế**